

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 124/QĐ-SLĐTBXH

Quảng Bình, ngày 4 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I/ 2019
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4586/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2018; Quyết định số: 4670/QĐ-SLĐTBXH ngày 28/12/2018; Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 29/01/2019; Quyết định số: 8139/QĐ-SLĐTBXH của Sở Lao động-TBXH tỉnh Quảng Bình; Quyết định số: 633/QĐ-SLĐTBXH ngày 5/3/2019.

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách năm quý I/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban lãnh đạo Sở, phòng Kế hoạch - Tài chính, các tổ chức chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Trang TTĐT;
- Lưu :VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trường Sơn

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Chương: 424

ĐÁNH GIÁ DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số : 1264/QĐ-SLĐTBXH ngày 4/4/2019 của Sở Lao động - TBXH tỉnh Quảng Bình)

(ĐVT: nghìn đồng)

TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng	So sánh (%)
				Dự toán
I	<u>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</u>			
1	Số thu phí, lệ phí		13.750	
1.2	Lệ phí		13.750	
1.2	Phí			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
-	Phí			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		13.750	
-	Lệ phí		13.750	
II	<u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>	20.675.545	7.232.725	34,98
II.1	<u>Kinh phí địa phương</u>	10.161.300	2.744.199	27,01
1	Chi quản lý hành chính	7.183.000	1.908.560	26,57
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.383.000	1.506.070	23,60
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	800.000	402.490	50,31
2	Chi đảm bảo xã hội	2.708.300	824.243	30,43
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.822.000	39.867	2,19
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	886.300	784.376	88,50
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	270.000	11.396	4,22
..11	Chi chương trình mục tiêu			
II.2	<u>Kinh phí ủy quyền trung ương</u>	10.514.245	4.488.526	
1	Chi quản lý hành chính	10.514.245	4.488.526	42,69
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10.514.245	4.488.526	42,69
III	Quỹ vốn vay giải quyết việc làm	384.689	1.013	0,26
IV	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	222.308		

Handwritten signature